TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2016/HSPT
Ngày: 19.10.2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Hiến;**
- *Thẩm phán*:

1. **Ông Tạ Quốc Việt;**
2. **Ông Nguyễn Văn Trị.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Minh Thành** – cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: **Ông Huỳnh Hùng Cường** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 137/2016/HSPT ngày 05/10/2016 đối với bị cáo Đinh Công Đ. do có kháng cáo của Bị cáo, Người đại diện theo pháp luật của bị cáo và kháng cáo của Bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2016/HSST ngày 17/8/2016 của Toà án nhân dân huyện Tân T.

*Bị cáo kháng cáo***:**

Đinh Công Đ., sinh ngày 11/11/1999 tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Thường trú tại: xã T., huyện T., tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; cha: Đinh Văn L.; mẹ: Nguyễn Thị N.; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 02/10/2015 Công an xã T., huyện T., tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức "cảnh cáo" về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo kháng cáo:

Ông Đinh Văn L., sinh năm 1972 và **Bà Nguyễn Thị N.**, sinh năm 1976; cùng trú tại: thôn Cát Hải, xã Tân Hải, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ông Lý, bà Ngợi có mặt).

Bị hại kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn B., sinh năm1950, trú tại: thôn Cát Hải, xã Tân Hải, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Công Đ.: Luật sư Huỳnh Ngọc H. – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Huỳnh Ngọc H., thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN THẤY:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T., tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Công Đ. là cháu ngoại của ông Nguyễn Văn B. Biết ông B. thường cất tiền trong hộp nhựa ở cầu thang trong nhà nên từ ngày 27/01/2016 đến ngày 10/3/2016 Đ. đã nhiều lần lấy trộm tiền của ông B. Cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 17 giờ ngày 27/01/2016, Đ. đến nhà ông B. trộm tiền. Đ. lên cầu thang thì phát hiện hộp đựng tiền để phía trong cái hốc giữa la phông và trần nhà. Đ. lấy trộm số tiền là 1.300.000 đồng. Sau đó, Đ. đem toàn bộ số tiền này và 700.000 đồng là tiền riêng của Đ. cho em họ là Đinh Văn M. mượn.

Lần 2: Khoảng 17 giờ ngày 12/02/2016, trong lúc ông B. đang ăn cơm dưới bếp, Đ. lẻn vào nhà ông B. và leo lên cầu thang lấy hộp đựng tiền và lấy trộm số tiền là 5.000.000 đồng. Sau đó, ngày 13/02/2016 Đ. đem 3.000.000 đồng đến nhà hàng H. ở phường L., thành phố B. cho anh Đỗ Hoài P. mượn, số còn lại Đ. tiêu xài hết.

Lần 3: Khoảng 12 giờ 30 phút một ngày giữa tháng 02/2016, Đ. tiếp tục lẻn vào nhà ông B. để lấy trộm tiền. Đ. thấy ông B. đang ngủ trưa liền lẻn lên cầu thang và lấy trộm số tiền là 3.000.000 đồng. Sau khi trộm tiền, Đ. đến nhà anh họ là Đỗ Văn C. ở huyện V., tỉnh Đồng Nai. Đ. cho anh C. mượn số tiền 800.000 đồng. Đoán mua 01 xe máy hiệu Amigo, màu sơn xanh, biển số 72H8-0456 của người bạn tên là Nguyễn Đức D. với giá 800.000 đồng. Số còn lại, Đ. tiêu xài hết.

Lần 4: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05/3/ 2016, Đ. đến nhà ông B. thì thấy ông B. đang ăn cơm liền lẻn lên cầu thang và lấy trộm 2.000.000 đồng. Đ. dùng 1.000.000 đồng sửa xe máy. Số còn lại, Đ. tiêu xài hết.

Lần 5: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/3/2016, Đ. lại tiếp tục lẻn vào nhà ông B. để lấy trộm 600.000 đồng thì bị bà Hoàng Thị R. (vợ ông B.) phát hiện. Ông B. báo cho cha, mẹ của Đ. biết. Cha, mẹ của Đ. đã báo cho Công an xã T. làm việc và thu giữ số tiền trên.

Về vật chứng vụ án: Ngày 07/4/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. đã trả 600.000 đồng tiền thu giữ của bị cáo cho ông B. theo quyết định số 33/QĐ cùng ngày.

Xe mô tô nhãn hiệu Amigo biển số 72H8-0456 hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện T. đang quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: P. và C. mượn tiền của Đ. nhưng không biết là tiền trộm cắp và đã trả lại tiền cho Đ. Mẹ của Đinh Văn M. đã trả thay M. số tiền 2.000.000 đồng cho Đ.

Bà N. là mẹ của Đ. đã trả toàn bộ số tiền 11.900.000 đồng tiền Đ. trộm cắp cho ông B. Ông B. nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2016/HSST ngày 17/8/2016 của Toà án nhân dân huyện T. đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đinh Công Đ. phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 ; khoản 2 Điều 46; Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Công Đ. 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Cùng ngày 26/8/2016, Bị cáo Đinh Công Đ., Người đại diện theo pháp luật của bị cáo là Ông Đinh Văn L. và Bà Nguyễn Thị N., Bị hại là Ông Nguyễn Văn B. có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, xin khoan hồng cho bị cáo, chuyển thành tù cho hưởng án treo vì Bị cáo khi phạm tội mới 16 tuổi 10 tháng; chưa có tiền án, tiền sự; đã ăn năn hối hận và đang là học sinh lớp 7/12 của Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị hại, Bị cáo và Người đại diện theo pháp luật của Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét bị cáo còn đang đi học và đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển từ hình phạt tù giam sang tù cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, bị hại và người bào chữa.

XÉT THẤY

Đơn kháng cáo của Bị cáo Đinh Công Đ., của Người đại diện theo pháp luật của Bị cáo và của Bị hại gửi trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kết quả điều tra tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với kết quả điều tra tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Xét án sơ thẩm đã tuyên xử Đinh Công Đ. phạm tội "Trộm cắp tài

sản" là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo là chưa đúng quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự; chưa đúng quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015. Theo đó, tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù, là điều luật nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân, do đó, phải áp dụng "điều luật quy định một hình phạt nhẹ hơn" là Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo.

Xét nội dung kháng cáo của Bị cáo, Người đại diện theo pháp luật của bị cáo và của Bị hại, cũng như đề nghị của Luật sư là cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b (người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại); điểm o (người phạm tội tự thú – Do đã tự khai ra các lần trộm cắp trước đó); điểm p (người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) Khoản 1 và Khoản 2 (bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 46 Bộ luật hình sự là đã đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình Giấy chứng nhận bị cáo đang theo học lớp 8 phổ cập THCS ban đêm tại Trường THCS xã T. (bắt đầu học từ tháng 9, sau khi đã xét xử sơ thẩm). Hội đồng xét xử xem đây là một tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt, quyết định biện pháp xử lý đối với bị cáo.

Căn cứ đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, thì việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; và Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo khi phạm tội vừa bước qua tuổi 16, do thiếu sự quan tâm giáo dục của cha mẹ, do ham chơi và nhận thức về hành vi phạm tội rất hạn chế do nghĩ rằng chỉ là trộm cắp của ông ngoại. Kết quả điều tra đã làm rõ được: Dù có điều kiện để lấy hết tiền của ông ngoại nhưng bị cáo chỉ lấy mỗi lần một ít, và chủ yếu là cho người khác mượn, mua tài sản chứ không phải là nướng hết vào trò chơi điện tử, và bị cáo cũng chưa từng nghĩ đến việc trộm cắp tài sản của người ngoài gia đình. Xét bị cáo là một thiếu niên hư, nhưng xét về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và khả năng giáo dục, sửa chữa sai lầm; xét sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã được gia đình xin tiếp tục học chương trình phổ cập THCS ban đêm và đã tỏ ra tiến bộ, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, thì có thể được miễn

trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục quy định tại các điều 93, 94, 95 Bộ luật hình sự năm 2015.

Theo "Điều kiện áp dụng" quy định tại Điều 92 Bộ luật hình sự năm 2015, tại phiên tòa, Bị cáo, cha mẹ của bị cáo đồng ý áp dụng biện pháp "Giáo dục tại xã, phường, thị trấn". Căn cứ Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 tại điểm 3 có quy định: "Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 là các quy định về thủ tục tố tụng áp dụng đối với các trường hợp, trong đó có trường hợp xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi".

Hội đồng xét xử quyết định áp dụng biện pháp "Giáo dục tại xã, phường, thị trấn" đối với bị cáo.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 429 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 91, 92 và 95 Bộ luật hình sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của Bị cáo Đinh Công Đ.; Người đại diện theo pháp luật của bị cáo là Ông Đinh Văn L. và Bà Nguyễn Thị N., Bị hại là Ông Nguyễn Văn B., sửa bản án của cấp sơ thẩm như sau:

Miễn trách nhiệm hình sự cho Đinh Công Đ. về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng biện pháp "Giáo dục tại xã, phường, thị trấn" trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 19/10/2016 đối với Đinh Công Đ.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Đinh Công Đ. cư trú giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chịu sự giáo dục, Đinh Công Đ. phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động;
- Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn;
- Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép;
- Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;
- Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;
- Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- PV 27 Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam CA tỉnh BR-VT;
- Tòa án nhân dân Tp.V.;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp.V.;
- Công an TP. V.;
- Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến